

BỘ NỘI VỤ**BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2005/QĐ-BNV

*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Điều lệ của Hội Hữu nghị hợp tác
Việt Nam - Châu Phi****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi và Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phê duyệt Điều lệ của Hội**

Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2005.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi, Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Đặng Quốc Tiến**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT - CHÂU PHI

(Ban hành theo Quyết định số 91/2005/QĐ-BNV ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ)

Chương I
TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: The Vietnam - Africa Friendship and Cooperation Association.

Điều 2. Tôn chỉ

Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội, là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, hoạt động trên phạm vi cả nước theo Điều lệ Hội, Điều lệ Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và tuân thủ Luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội có trụ sở tại Hà Nội, có tài sản, tài khoản riêng, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.

Điều 3. Mục đích hoạt động của Hội

Mục đích hoạt động của Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi là góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước Châu Phi; củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch v.v... giữa Việt Nam và Châu Phi vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Chương II
NHIỆM VỤ CỦA HỘI

Điều 4. Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi có nhiệm vụ

1. Tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân các nước Châu Phi về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam.

2. Giới thiệu, thông tin cho nhân dân Việt Nam về lịch sử, đất nước, con người,

nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân các nước Châu Phi, về mối quan hệ truyền thống hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Châu Phi và sự hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội giữa Việt Nam và các nước Châu Phi.

3. Làm đầu mối vận động và thúc đẩy các hoạt động hữu nghị và hợp tác, giao lưu kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch giữa các tổ chức của Việt Nam với các đối tác của Châu Phi nhằm góp phần phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước Châu Phi.

4. Tổ chức trao đổi các đoàn hữu nghị, trao đổi thông tin, tổ chức các cuộc gặp gỡ với các tổ chức hữu nghị, các tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa của Châu phi nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước Châu Phi.

5. Xuất bản các ấn phẩm phục vụ cho hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên của Hội

Các tổ chức, công dân Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội và được Ban Thường vụ Trung ương Hội đồng ý, sẽ

được gia nhập Hội, các tổ chức sẽ trở thành các tổ chức thành viên và cá nhân sẽ trở thành hội viên của Hội (sau đây gọi chung là Hội viên).

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội viên

1. Chấp hành Điều lệ và thực hiện các nghị quyết của Hội; tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm giữ gìn và phát triển tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước Châu Phi.

2. Tuyên truyền rộng rãi về Hội trong nhân dân Việt Nam để thu hút hội viên mới và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

3. Đóng hội phí theo quy định.

Điều 7. Quyền hạn của Hội viên

1. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng và biểu quyết thông qua các quyết định, chủ trương và chương trình hoạt động của Hội.

2. Được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động nhằm mục đích góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước châu Phi trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

3. Được tham gia ứng cử, đề cử và bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

4. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức, được Hội thăm hỏi, giúp đỡ khi khó khăn.

5. Được quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 8. Xóa tên và khai trừ hội viên

1. Hội viên muốn ra khỏi Hội phải có thư thông báo với cấp có thẩm quyền của Hội để xóa tên trong danh sách hội viên.

2. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội sẽ bị xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 9. Nguyên tắc tổ chức

Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương, dân chủ và thống nhất hành động. Hội được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ban Chấp hành Trung ương Hội được bầu thông qua hiệp thương dân chủ. Trường hợp đặc biệt không bầu được thì Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Hội sẽ được chỉ định, nhưng không quá thời hạn một nhiệm kỳ. Các cơ quan lãnh đạo của Hội gồm có:

- Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

- Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Ban Thường vụ Trung ương Hội.

- Ban Kiểm tra Trung ương Hội.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức Hội

Cơ cấu tổ chức Hội gồm Hội Trung ương, các Hội ở địa phương tham gia làm Hội thành viên của Hội Trung ương, các Câu lạc bộ, Trung tâm và các Chi hội trực thuộc Trung ương Hội.

Ở địa phương tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể, nếu có nhu cầu lập Hội sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và quyết định.

Hội Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các Hội địa phương xây dựng Điều lệ, tổ chức và hoạt động Hội, đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 11. Cơ quan lãnh đạo của Hội

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội. Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội họp 5 năm một lần, có nhiệm vụ thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội, thông qua báo cáo tài chính của Hội, quyết định phương hướng hoạt động của Hội, thông qua các nghị quyết, xem xét sửa đổi Điều lệ, bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội.

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

a) Ban Chấp hành Trung ương Hội bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các Ủy viên Thường vụ và các Ủy viên Ban Chấp hành.

b) Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định các chủ trương, biện pháp thi hành những nghị quyết của Đại hội đề ra; chỉ đạo các tổ chức Hội thành viên hoạt động, tham gia các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp một năm một lần.

2. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Trung ương Hội cử, bao gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ban Thư ký (có thể có Tổng Thư ký và thư ký) và các ủy viên Ban thường vụ. Ban thường vụ họp 6 tháng 1 lần và có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Ban Thư ký chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội, cùng với Chủ tịch Hội điều hành các kỳ họp của Ban Chấp hành.

b) Hướng dẫn các hội viên thực hiện các nghị quyết của Trung ương Hội.

c) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên khi bị xâm phạm, giải quyết những vấn đề khó khăn của hội viên và tổ chức thành viên trong việc thực hiện Điều lệ này.

d) Quyết định khen thưởng, kỷ luật và xóa tên hội viên trong danh sách hội viên của Hội

3. Ban Thư ký do Ban Thường vụ cử, bao gồm Tổng thư ký và thư ký, có trách nhiệm:

a) Giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp và triệu tập các kỳ họp.

b) Giúp Ban Thường vụ và Ban Chấp hành theo dõi, giúp đỡ các tổ chức thành viên, hội viên thực hiện các nghị quyết của Trung ương Hội.

c) Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm:

a) Lãnh đạo, quản lý mọi hoạt động của Hội; cùng với Ban Thường vụ điều hành các kỳ họp của Ban Chấp hành.

b) Thay mặt Ban Chấp hành phối hợp với các cơ quan quản lý ngành thực hiện các hoạt động trong quan hệ đối nội, đối ngoại của Hội. Tham gia vào các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

5. Các Phó Chủ tịch giúp việc Chủ tịch, được Chủ tịch phân công giải quyết từng vấn đề cụ thể và được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

6. Ban Kiểm tra Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội cử, Trưởng Ban Kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành Hội. Ban Kiểm tra có trách nhiệm:

a) Kiểm tra việc thực hiện, chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội, các hoạt động của Ban Chấp hành.

b) Kiểm tra tài chính của Hội.

c) Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố (nếu có)

7. Ban Chấp hành Hội ở các tỉnh, thành phố và các tổ chức thành viên căn cứ vào những điều khoản quy định trong Điều lệ này, căn cứ vào các nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Trung ương Hội để làm cơ sở nội dung hoạt động của tổ chức mình.

Điều 12. Ủy viên Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành của Trung ương Hội và các Hội thành viên do Đại hội các cấp tương ứng quyết định, trong đó bao gồm cả các Ủy viên Ban Thường vụ. Số người trong Ban Thường vụ không được quá 1/3 số Ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội là 5 năm. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành các Hội thành viên do Điều lệ của Hội thành viên quyết định.

Điều 13. Chế độ phối hợp công tác trong nội bộ Hội

1. Trung ương Hội phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ các Hội thành viên ở các địa phương hoạt động.

2. Các Hội thành viên ở địa phương chủ động trong hoạt động theo đúng Điều lệ Hội, không trái với nghị quyết của Trung ương Hội, hàng quý báo cáo công tác cho Trung ương Hội. Các Hội thành viên ở các địa phương phải phối hợp và chịu sự chỉ đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của địa phương mình (nếu có).

Chương V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 14. Tài chính của Hội được hình thành từ các nguồn

1. Hỗ trợ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

2. Hội phí do các tổ chức thành viên, hội viên đóng góp (sẽ do Ban Chấp hành Trung ương quy định hàng năm).

3. Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 15. Quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Hội

1. Tài chính của Hội do Ban thư ký của Hội chịu trách nhiệm quản lý theo nguyên tắc tập trung thống nhất và chi cho hoạt động của Hội theo quy chế của Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Việc sử dụng tài sản và tài chính, lập dự toán chi tiêu, chế độ báo cáo tài chính của Hội được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

3. Tài sản, tài chính của Hội khi sáp nhập, chia tách, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 16. Khen thưởng

Các tổ chức Hội, tổ chức thành viên, hội viên có nhiều thành tích đóng góp trong các hoạt động của Hội sẽ được khen thưởng.

Điều 17. Kỷ luật

Các tổ chức Hội, tổ chức thành viên, hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội sẽ bị xóa tên trong danh sách của Hội.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Các tổ chức Hội, tổ chức thành viên và hội viên phải tuân thủ Điều lệ này trong mọi hoạt động.

2. Điều lệ này có 7 Chương, 19 Điều được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Hội Hữu nghị hợp tác Việt Nam - Châu Phi thông qua ngày 27/5/2005 và có hiệu lực theo quyết định của Bộ Nội vụ./.